

Bản án số: 14/2024/DS-ST  
Ngày: 25-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Đặng Phước Tuấn.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Ngô.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh T.

Địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai C, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lưu Hoàng S, sinh năm 1971 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng..

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện lập ngày 02 tháng 5 năm 2024 của nguyên đơn Bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh T và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đỗ Thị Mai C trình bày:

Vào ngày 23/10/2020, bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H (sau đây gọi tắt là bà N) với ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L có giao dịch mua bán thức ăn và thuốc thủy sản thông qua hợp đồng, hai bên thống nhất nội dung rằng bên bà N sẽ cung cấp các loại thức ăn và thuốc thủy sản, khi ông S và bà L đặt hàng thì hàng hóa sẽ được nhân viên giao hàng chở đến tận nơi tại nhà của ông S hoặc ông S đến tận kho của bà N nhận hàng, khi nhận đủ hàng thì phía ông S và bà L sẽ ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng hoặc khi bà N có yêu cầu bà N sẽ gửi bảng đối chiếu công nợ cho ông S và bà L kiểm tra và ký xác nhận. Thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ nuôi tôm ông S và bà L có nghĩa vụ phải thanh toán hết số tiền hàng cho bà N. Căn cứ vào thỏa thuận mua bán trên, bà N đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên thỏa thuận, sau khi nhận hàng ông S và bà L đều ký vào sổ theo dõi và không hề có ý kiến phản đối hay khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà bà N đã giao. Tuy nhiên, ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với bà N, cuối mỗi vụ thu hoạch tôm ông S và bà L đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho bà N như thỏa thuận. Theo sổ giao nhận hàng và các giấy tờ ký nhận thì tính đến ngày 10/5/2021, thì ông S và bà L còn nợ bà N số tiền gốc là: 18.090.000 đồng. Mặc dù bà N đã nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt điểm công nợ nhưng ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Việc ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L không trả nợ đã gây cho bà N nhiều khó khăn, thiệt hại.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L phải trả nợ cho bà N một lần số tiền gốc còn thiếu là: 18.090.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho bà N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 7 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L có mối quan hệ là vợ của ông Lưu Hoàng S. Theo hợp đồng mua bán ngày 23/10/2020 giữa Hộ kinh doanh T1 (Đại lý T2) với vợ chồng bà, thì bà có ký tên, ghi họ tên tại mục bên mua, ông S cũng ký và ghi họ tên tại mục bên mua. Theo hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với vợ chồng bà L, thì việc giao nhận thức ăn, thuốc đều do ông Lưu Hoàng S giao dịch, ký nhận với Đại lý T2 để nuôi tôm. Vụ nuôi đầu có lời nên vợ chồng bà L trả tiền đầy đủ cho đại lý T2. Vụ sau, bà L nghe ông S nói nuôi tôm bị lỗ, rồi đại lý T2 không bán thức ăn, thuốc cho ông S nữa. Còn việc ông S nợ đại lý T2 bao nhiêu tiền thì bà L không biết.

Đại lý T2 khởi kiện ông S và bà L trả số tiền nợ 18.090.000 đồng, thì bà L đồng ý cùng với ông S trả nợ cho đại lý T2. Khi nào vợ chồng bà L có tiền thì trả cho đại lý T2, vì hiện nay gia đình bà L gặp khó khăn về kinh tế.

Đối với bị đơn ông Lưu Hoàng S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo về việc thụ lý vụ án số 23/TB-TLVA ngày 06 tháng 5 năm 2024, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã đến nhà của bị đơn để lấy lời khai, tuy nhiên bị đơn không có mặt ở nhà nên Tòa án lập biên bản về việc không lấy lời khai được bị đơn S nên không có lời khai của bị đơn S trong hồ sơ vụ án.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn, thuốc thú y để nuôi thủy sản là 18.090.000 đồng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi bà Danh Q Xa Na – Chủ hộ kinh doanh Trường H nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L, cùng cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà L phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thú y sản còn nợ. Bà N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho bà N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và bà N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của bà N là đúng thẩm quyền và đúng

theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Lưu Hoàng S, bà Nguyễn Thị L và nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn và thuốc thủy sản với số tiền còn nợ là 18.090.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho bà N.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L đã thừa nhận tính đến ngày 10/5/2021, bà L và ông S còn nợ bà Danh Que Xa N – Chủ hộ kinh doanh Trường H (sau đây gọi tắt là bà N) số tiền 18.090.000 đồng và bà L đồng ý cùng với ông S trả số tiền nợ 18.090.000 đồng cho Hộ kinh doanh T1. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông Lưu Hoàng S, bà Nguyễn Thị L còn nợ bà N số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 18.090.000 đồng là sự thật. Tuy nhiên, bà L xin khi nào vợ chồng bà L có tiền thì trả cho H1 kinh doanh Trường H, vì hiện nay gia đình bà L gặp khó khăn về kinh tế nhưng người đại diện của nguyên đơn không đồng ý theo đề nghị của bà L và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông S, bà L không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là bà N. Do đó, bà N yêu cầu các bị đơn ông S, bà L phải trả số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản còn nợ 18.090.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà N tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 18.090.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 904.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ông Lưu Hoàng S nộp 452.250 đồng, bà Nguyễn Thị L nộp 452.250 đồng).

[9] Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 430; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H đối với các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L.

2. Xử buộc các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ với số tiền 18.090.000 đồng (mười tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh doanh Trường H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

#### 3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Lưu Hoàng S và bà Nguyễn Thị L phải chịu 904.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ông Lưu Hoàng S nộp 452.250 đồng, bà Nguyễn Thị L nộp 452.250 đồng).

3.2. Nguyên đơn bà Danh Q Xa Na – Chủ Hộ kinh doanh Trường H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Danh Que Xa N – Chủ Hộ kinh

doanh Trường H số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 452.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004382 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**